TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2017/DS-PT
Ngày 19-12-2017
"V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại hoa lợi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán
Các Thẩm phán: Ông Hồ Chí Tâm
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về "tranh chấp bồi thường hoa lợi phát sinh".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th (tên gọi khác: B), sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Ấp ST, xã HH, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn T (tên gọi khác: Út T), sinh năm 1976.

2.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp ST, xã HH, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Năm 1995, ông Lê Văn Thắng có cho bà phần đất nông nghiệp diện tích đất 2.740m^2 tại thửa 342; một phần thửa 343; một phần thửa 344 và một phần thửa 340 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp ST, xã HH, huyện T, tỉnh Long An. Bà Th

sử dụng phần đất trên từ năm 1995 đến tháng 5/2015 thì vợ chồng ông T, bà Th chiếm dụng và canh tác đến tháng 5/2017. Tại bản án số 24/2017/DS-PT ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì phần đất trên thuộc quyền sở hữu của bà. Tổng thời gian ông T và bà Th sử dụng đất của bà là 02 năm, giá cho thuê đất bình quân là 17.000.000 đồng/01ha/01năm. Nay bà Th yêu cầu ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới bồi thường iền hoa lợi cho bà số tiền 9.316.000 đồng (2.740m^2 x 17.000.000 đồng/1ha/1năm x 02 năm = 9.316.000 đồng).

Bị đơn ông Lê Văn T xác định phần đất nông nghiệp diện tích 2.740m^2 tại thửa 342; một phần thửa 343; một phần thửa 344 và một phần thửa 340 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp ST, xã HH, huyện T vợ chồng ông sử dụng từ tháng 5/2015. Đến tháng 6/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đã giao phần đất trên cho bà Th theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 24/2017/DS-PT, ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Giá cho thuê đất là 17.000.000 đồng/01ha/01năm. Bà Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải liên đới bồi thường tiền hoa lợi cho bà Th số tiền 9.316.000 đồng (2.740m^2 x 17.000.000 đồng/01ha/01 năm x 02 năm = 9.316.000 đồng) ông không đồng ý, vì trước đây bà Th không yêu cầu bồi thường.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th thống nhất theo lời trình bày của chồng bà là ông T, bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Th.

Các bên không thống nhất.

Ngày 03/12/2015 bà Lê Thị Th làm đơn khởi kiện.

Ngày 23/12/2015 Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án.

Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân huyện T áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 165, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 183, 599, 601, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th đối với ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th về việc tranh chấp "Bồi thường thiệt hại hoa lợi phát sinh".

Buộc ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Th số tiền 9.316.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông T và bà Th còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí định giá tài sản: Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu 600.000 đồng chi phí định giá tài sản. Do bà Th đã nộp nên ông Lê Văn

T và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho bà Th số tiền 600.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu 465.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Th 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0003874 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 04/10/2017 ông Lê Văn T và Nguyễn Thị Th kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo.

Bà Th xác định quyền sử dụng đất vợ chồng ông T chiếm dụng là của bà, bà canh tác từ năm 2015 trở về trước. Năm 2015 ông T tự ý chiếm lấy đất canh tác thu lợi nên bà yêu cầu trả lại hoa lợi như án sơ thẩm đã xử.

Ông T đồng thời là đại diện cho bà Th không đồng ý trả hoa lợi vì cho rằng đất này ông đứng tên quyền sử dụng đất và là người nộp thuế. Ông canh tác trên đất thuộc quyền sử dụng của ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về kháng cáo của ông T và bà Th trong hạn luật định được chấp nhận để xem xét.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T và bà Th thấy:

Ông T kháng cáo không đồng ý bồi thường hoa lợi cho bà Th trong thời gian sử dụng đất, cho rằng đất thuộc quyền của ông nhưng theo bản án dân sự phúc thẩm số 24 ngày 19/01/2017 đã xác định diện tích đất 2.740m^2 tại thửa 342, một phần thửa 343, một phần thửa 344 và một phần thửa 340 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp ST, xã HH, huyện T, tỉnh Long An là của bà Th. Việc vợ chồng ông T, bà Th chiếm dụng và canh tác từ năm 2015 đến tháng 5/2017 hưởng hoa lợi không có căn cứ pháp luật. Theo Điều 601 Bộ luật dân sự và Điều 166 Luật Đất đai không được bảo vệ. Án sơ thẩm buộc vợ chồng ông T trả lại hoa lợi là có cơ sở. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục: Kháng cáo đúng hạn, nhưng ông T và bà Th đều kháng cáo cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận cho nộp 300.000đ là không đúng theo quy định tại Điều 28 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung kháng cáo.

Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th kháng cáo không đồng ý hoàn trả hoa lợi thu được trên diện tích đất 2.740m^2 tại thửa 342, một phần thửa 343, một phần thửa 344, một phần thửa 340. Ông bà cho rằng quyền sử dụng đất này ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là người nộp thuế cho Nhà nước nên ông bà có quyền sử dụng. Tuy nhiên, việc cấp quyền sử dụng cho ông T là không đúng đối tượng do khi cấp cơ quan có thẩm quyền đã không kiểm tra thực tế. Vì thế tại bản án dân sự phúc thẩm số 24/2017/DS-PT ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xác định diện tích đất nông nghiệp 2.740m^2 tại thửa 342, một phần thửa 343, một phần thửa 344, thuộc quyền sử dụng của bà Th. Do đất này bà Th sử dụng từ năm 1995 đến tháng 5/2015 nhưng bị vợ chồng ông T, bà Th chiếm dụng và đã được giải quyết bằng một bản án đang có hiệu lực pháp luật. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Cho nên bà Th khởi kiện buộc vợ chồng ông T trả lại thành quả do hưởng lợi không hợp pháp từ việc sử dụng diện tích đất 2.740m^2 của bà Th trong thời hạn 02 năm là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 601 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định *"Người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật và không ngay tình thì phải hoàn trả hoa lợi, lợi tức thu được từ thời điểm chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật"*. Do đó ông T và bà Th kháng cáo cho rằng diện tích đất 2.740m^2 ông được cấp quyền sử dụng đất nên ông có quyền canh tác là không có cơ sở.

Bà Th được xác lập quyền sử dụng đất và được hưởng các quyền lợi chung của người sử dụng đất theo quy định tại các Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013. Hành vi ông T, bà Th canh tác là chiếm dụng không hợp pháp, không ngay tình quyền sử dụng đất của bà Th. Cho nên không thể chấp nhận kháng cáo của ông T, bà Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Đối với số tiền thuế đã nộp nếu có chứng cứ, các bên không thỏa thuận được, ông T có quyền tranh chấp bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án ông T và bà Thắm phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 183, 599, 601, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th đối với ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th về việc tranh chấp "Bồi thường thiệt hại hoa lợi phát sinh".

Buộc ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Th số tiền 9.316.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đươc thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hang tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí định giá tài sản: Bà Lê Thị Th phải chịu 600.000 đồng (đã nộp xong)

3. Về án phí:

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 465.000 đồng (lấy tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0003946 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Bà Lê Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Th 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003874 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Hưng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quán